

## §15. Tìm một số biết giá trị một phân số của nó

### A. Mục tiêu

- HS nhận biết và hiểu quy tắc tìm một số biết giá trị một phân số của nó.
- Có kĩ năng vận dụng quy tắc đó để tìm một số biết giá trị một phân số của nó.
- Có ý thức áp dụng quy tắc này để giải một số bài toán thực tiễn.

### B. Những điểm cần lưu ý

Tương tự như §14 khi sử dụng công thức  $a : \frac{m}{n}$ , GV cần cho HS xác định rõ a là số nào, phân số nào là phân số  $\frac{m}{n}$ . Cần cho HS phân biệt rõ hai dạng toán nêu

ở §14 và §15. Bài toán ở §14 liên quan đến phép nhân phân số, còn bài toán ở §15 liên quan đến phép chia phân số.

### C. Gợi ý dạy học

Cách thức tiến hành dạy học bài này tương tự như §14, GV nên để HS tự phát biểu quy tắc.

Sau khi HS nắm được quy tắc rồi, cho làm ngay **?**1. Ở câu a, GV nên cho HS gắn đề bài với công thức nêu trong quy tắc. Ví dụ : tìm một số biết  $\frac{2}{7}$  (tức  $\frac{m}{n}$ ) của nó bằng 14 (tức a). Như vậy áp dụng công thức, HS có ngay :

$$a : \frac{m}{n} = 14 : \frac{2}{7} = 14 \cdot \frac{7}{2} = 49.$$

Làm tương tự đối với câu b. Chú ý trước hết phải viết hỗn số  $3\frac{2}{5}$  dưới dạng phân số. Cho HS trả lời câu hỏi nêu ở đầu bài.

Ở **?**2 cần cho HS phân tích để tìm ra 350 lít nước ứng với phân số nào.

Trong bài này a là 350 (lít) còn  $\frac{m}{n} = 1 - \frac{13}{20} = \frac{7}{20}$  (dung tích bể). Do đó

$$a : \frac{m}{n} = 350 : \frac{7}{20} = 350 \cdot \frac{20}{7} = 1000 \text{ (lít).}$$

### D. Hướng dẫn giải bài tập

#### Bài 126.

a) 10,8 ;

b) -3,5.

**Bài 127.** Theo đề bài, đã biết :

$$13,32 \cdot 7 = 93,24 \quad (1)$$

$$\text{và} \quad 93,24 : 3 = 31,08 \quad (2)$$

$$\begin{aligned} \text{a) Số phải tìm bằng} \quad 13,32 : \frac{3}{7} &= 13,32 \cdot \frac{7}{3} = \frac{93,24}{3} && \text{(theo (1))} \\ &= 31,08 && \text{(theo (2))} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) Số phải tìm bằng} \quad 31,08 : \frac{7}{3} &= 31,08 \cdot \frac{3}{7} = \frac{93,24}{7} && \text{(suy từ (2))} \\ &= 13,32 && \text{(suy từ (1)).} \end{aligned}$$

**Bài 128.**

Số kilôgam đậu đen đã nấu chín là :  $1,2 : 24\% = 5$  (kg).

**Bài 129.**

Lượng sữa trong chai là :  $18 : 4,5\% = 400$  (g).

**Bài 130.**

Số phải tìm là :  $\frac{1}{3} : \frac{1}{2} = \frac{1}{3} \cdot \frac{2}{1} = \frac{2}{3}$ .

**Bài 131.**

Mảnh vải dài :  $3,75 : 75\% = 5$  (m).

**Bài 132.**

a)  $x = -2$  ;

b)  $x = \frac{7}{8}$ .

**Bài 133.**

Cân 1,2kg cùi dừa và 0,06kg đường.

**Bài 134.**

Cho HS tự đọc trong SGK và dùng máy tính kiểm tra lại đáp số của các bài tập 128, 129, 131.

**Bài 135.**

560 sản phẩm ứng với  $1 - \frac{5}{9} = \frac{4}{9}$  (kế hoạch).

Số sản phẩm được giao theo kế hoạch là :  $560 : \frac{4}{9} = 560 \cdot \frac{9}{4} = 1260$  (sản phẩm).

**Bài 136.** Viên gạch nặng 3kg.

**E. Tài liệu bổ sung**

Có thể chọn thêm các bài tập từ 128 đến 135 (sách Bài tập Toán 6, tập II). Các bài 133, 134, 135 dành cho HS khá, giỏi.